TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **163**/2022/KDTM-ST
Ngày: 10/8/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;

2. Ông Phú Minh Thông.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2021/KDTM - ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2991/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4366/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K

Trụ sở chính: Số 23, đường Đ, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Bá H, sinh năm 1965 - đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/12/2021); Địa chỉ: Số 13/A đường T, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M

Trụ sở chính: L14-MKB, lầu O, tòa nhà V, số R, đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trương Lê Hoàng AT, sinh năm 1978; Địa chỉ: Phòng 108, chung cư Q đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Bá H vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K do ông Phạm Bá H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (gọi tắt là Công ty K) và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M (gọi tắt là Công ty M) có ký với nhau các hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể:

Hợp đồng mua bán số 35/2018/7001.SDR.Đ&CTN.5A/HĐMB.MK ngày 05/02/2018 về việc Công ty K bán cho Công ty M những thiết bị hàng hóa: Đèn hắt trần thương hiệu P Hà Lan; giá trị của hợp đồng là 555.073.200 đồng (đã bao gồm VAT 10%); địa điểm giao hàng: Chân công trình dự án S, khu đô thị Sa - ĐQM, đường M, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào hợp đồng Công ty K đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000072 ngày 27/4/2018 có giá trị là 555.073.200 đồng. Sau đó, Công ty M đã thanh toán cho Công ty K số tiền 558.523.289 đồng, số tiền dư còn lại 3.450.089 đồng sẽ được cấn trừ trong các hợp đồng khác.

Phụ lục hợp đồng số 74.2018/7001.SDR.Đ&CTN - 5A.01/PLHĐ.MK ngày 04/7/2018 (là Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 35/2018/7001.SDR.Đ&CTN.5A/HĐMB.MK ngày 05/02/2018), bổ sung giá trị hợp đồng là 73.167.600 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Căn cứ vào phụ lục hợp đồng Công ty K đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000309 ngày 24/7/2018 có giá trị là 73.167.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty M vẫn chưa thanh toán cho Công ty K số tiền còn nợ của phụ lục hợp đồng này.

Hợp đồng mua bán số 01/2018/7001SDR.Đ&CTN.05A.01P/CO.MK ngày 05/02/2018, giá trị hợp đồng 12.310.670 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Căn cứ vào hợp đồng Công ty K đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000076 ngày 27/4/2018 có giá trị là 12.310.670 đồng. Công ty M đã thanh toán đủ số tiền của hóa đơn này cho Công ty K.

Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 06.2018/7002. SRN.08A-01/PLHĐ.MK ngày 19/01/2018 (là Phụ lục số 01 của Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018) về việc cung cấp đèn (đèn sân phơi, đèn gắn trần, đèn nhà vệ sinh), giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng là 774.989.600 đồng (đã bao gồm VAT 10%), địa điểm giao hàng: Chân công trình dự án Sari, khu đô thị mới T, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào hợp đồng và phụ lục hợp đồng Công ty K đã giao hàng và

xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000080 ngày 08/5/2018 (và bảng kê đính kèm) có giá trị là 774.989.600 đồng. Tuy nhiên, Công ty M mới chỉ thanh toán cho Công ty K số tiền 543.901.792 đồng, còn lại số tiền 231.087.808 đồng chưa thanh toán.

Phụ lục hợp đồng số 50.2018/7002SRN.08A-02/PLHĐ.MK ngày 13/4/2018 (là Phụ lục số 02 của Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018) về việc cung cấp đèn, bộ lưu điện trong 2h, bộ nguồn; giá trị của phụ lục hợp đồng là 1.051.448.200 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Căn cứ vào phụ lục hợp đồng Công ty K đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000215 ngày 03/7/2018 có giá trị là 1.051.448.200 đồng. Tuy nhiên, Công ty M mới chỉ thanh toán cho Công ty K số tiền 286.758.600 đồng, còn lại số tiền 764.689.600 đồng chưa thanh toán.

Phụ lục hợp đồng số 75.2018/7002.SRN-08A.03/PLHĐ.MK ngày 12/7/2018 (là phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018), giá trị của phụ lục hợp đồng là 638.037.400 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Công ty M đã thanh toán đủ số tiền của phụ lục hợp đồng này cho Công ty K.

Căn cứ vào các hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên, Công ty M đã ký vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2019 thể hiện: Tổng giá trị các hóa đơn là 2.466.989.270 đồng, tổng giá trị đã thanh toán là 1.401.494.351 đồng, công nợ còn lại là 1.065.494.919 đồng (của công trình S và công trình Sari).

Tuy nhiên từ đó đến nay, mặc dù Công ty K đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty M vẫn chưa thanh toán thêm khoản tiền nào. Do đó, Công ty K khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty M thanh toán khoản tiền còn nợ của các hợp đồng và phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa là 1.065.494.919 đồng, trả ngay một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực. Công ty K chỉ yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên, ngoài ra Công ty TNHH K tự nguyện không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả và tiền lãi phạt.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật và bị đơn cũng không có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền của hợp đồng và phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa còn lại là 1.065.494.919 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả và tiền lãi phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (gọi tắt là Công ty K) và bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M giao kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ của hợp đồng và phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M có trụ sở chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về việc vắng mặt đương sự:

Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án thể hiện bị đơn không còn hoạt động tại nơi đăng ký trụ sở chính số LGHG, lầu P, Tòa nhà V, số S đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả cung cấp thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M chưa đăng ký giải thể. Căn cứ đơn khởi kiện và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn có cơ sở xác định địa chỉ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện là đúng và đầy đủ. Việc bị đơn thay đổi trụ sở mà không công bố công khai theo quy định pháp luật được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về pháp luật nội dung:*

Căn cứ bản sao Hợp đồng mua bán số 35/2018/7001.SDR.Đ&CTN.5A/HĐMB.MK ngày 05/02/2018; Phụ lục hợp đồng số 74.2018/7001.SDR.Đ&CTN - 5A.01/PLHĐ.MK ngày 04/7/2018 (là Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 35/2018/7001.SDR.Đ&CTN.5A/HĐMB.MK ngày 05/02/2018); Hợp đồng mua bán số 01/2018/7001SDR.Đ&CTN.05A.01P/CO.MK ngày 05/02/2018; Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 06.2018/7002. SRN.08A-01/PLHĐ.MK ngày 19/01/2018 (là Phụ lục số 01 của Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018); Phụ lục hợp đồng số 50.2018/7002.SRN.08A-02/PLHĐ.MK ngày 13/4/2018 (là Phụ lục số 02 của Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018); Phụ lục hợp đồng số 75.2018/7002.SRN-08A.03/PLHĐ.MK ngày 12/7/2018 (là phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán số 07/2018/7002.SRN-08A/HĐMB.MK ngày 08/01/2018) giữa nguyên đơn và bị đơn đã thể hiện các bên thỏa thuận mua bán các thiết bị (đèn, bộ lưu điện trong 2h, bộ nguồn ...) để phục vụ cho công trình dự án S, khu đô thị Sa - ĐQM, đường M, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và công trình dự án Sari, khu đô thị mới T, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện các hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên, giá trị thực tế nguyên đơn giao hàng hóa cho bị đơn thể hiện qua các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000072 ngày 27/4/2018, số 0000309 ngày 24/7/2018, số 0000076 ngày 27/4/2018, số 0000080 ngày 08/5/2018, số 0000215 ngày 03/7/2018 mà nguyên đơn đã xuất cho bị đơn có tổng giá trị là 2.466.989.270 đồng, bị đơn đã thanh toán được số tiền là 1.401.494.351 đồng. Do đó, số tiền nợ gốc còn lại bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.065.494.919 đồng. Mặt khác, theo Biên bản đối chiếu công nợ công trình S - Sari ngày 31/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có chữ ký và đóng dấu của hai công ty thể hiện bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ngoài các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện và Tòa án thu thập được không có chứng cứ nào khác cho thấy bị đơn đã thanh toán xong số tiền nợ gốc còn lại là 1.065.494.919 đồng cho nguyên đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại của các hợp đồng và phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn là 1.065.494.919 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ công trình S - Sari ngày 31/5/2019 là phù hợp với thỏa thuận của các bên và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả và tiền lãi phạt.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:*

Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 43.964.848 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K tổng số tiền còn nợ của hợp đồng và phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn K và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M là 1.065.494.919 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm mười chín đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K về việc không yêu cầu Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M thanh toán tiền lãi chậm trả và tiền lãi phạt.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 43.964.848 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.982.424 đồng (Hai mươi mốt triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005122 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây dựng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tâm